

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ qq
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/9/2021

V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ qq, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thái và bà Đỗ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thào Thị Thu Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố qq, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố qq, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trung Hải, là Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố qq, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lò Thị Th**; địa chỉ: Bản ww, xã ee, thành phố qq, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Lò Văn Ch**; địa chỉ: Bản ww, xã ee, thành phố qq, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lò Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lò Thị Th và ông Lò Văn Ch tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/01/2011, tại UBND xã aa, huyện ss (Nay là thành phố qq), tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng bà Th, ông Ch cùng chung sống tại xã ee, thành phố qq, tỉnh Điện Biên. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến cuối năm 2015, ông Ch bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Vì vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lò văn Ch.

- Về con chung: Bà Th và ông Ch có 03 người con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 25/02/2011; cháu Lò Thị H1, sinh ngày 21/6/2013 và cháu Lò Văn Ng, sinh ngày 15/9/2015. Nếu ly hôn, bà Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 người con chung vì ông Ch hiện đang đi vắng, các con chung chủ yếu ở với bà Th từ khi vợ chồng sống ly thân và các cháu đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lò Văn Ch: Ông Ch không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các buổi hòa giải và các phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lò Thị Th đối với ông Lò Văn Ch theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao các con chung cho bà Thương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Án phí: Bà Lò Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 21/7/2021, bà Lò Thị Th nộp đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" tại Tòa án nhân dân thành phố qq, tỉnh Điện Biên đối với ông Lò Văn Ch; ngày 27/7/2021 bà Th nộp cho Tòa án biên lai thu tạm ứng án phí. Cùng ngày 27/7/2021, Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Th theo Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự (*Sau đây ghi tắt là BLTTDS*).

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lò Thị Th và ông Lò Văn Ch cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa bàn thành phố qq, tỉnh Điện Biên, yêu cầu Ly hôn của bà Th đối với ông Ch thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố qq, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Nguyên đơn bà Lò Thị Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lò Văn Ch đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và ông Ch quy định tại khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị Th, sinh năm 1985 và ông Lò Văn Ch, sinh năm 1990 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 24/01/2011. Khi kết hôn, bà Th và ông Ch đều đã hơn 20 tuổi, đủ điều kiện kết hôn và không thuộc những trường hợp cấm kết hôn quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (*Có hiệu lực thi hành tại thời điểm hai người kết hôn*) nên hôn nhân giữa bà Th và ông Ch là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, bà Th và ông Ch cùng chung sống tại Bản ww, xã ee, thành phố qq, tỉnh Điện Biên và đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây.

Theo bà Th thì quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến cuối năm 2015, ông Ch bỏ về nhà bố mẹ đẻ cùng bản sinh sống, sau đó đi làm ăn và hiện không có mặt tại địa bàn. Vợ chồng bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện ông Ch đang làm gì, ở địa chỉ nào thì bà Thương không biết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà Th, ông Ch tại Bản ww, xã ee, thành phố qq, tỉnh Điện Biên là nơi mà bà Th và ông Ch cư trú sau khi kết hôn. Lãnh đạo bản xác nhận: Quá trình chung sống tại bản, vợ chồng bà Th, ông Ch có nảy sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống; tuy nhiên lãnh đạo bản cũng chưa phải tổ chức hòa giải để giải quyết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vì mâu thuẫn đa phần chỉ xảy ra âm ỉ trong gia đình, không âm ỉ đánh cãi chửi nhau. Cuối năm 2015, ông Ch bỏ về nhà bố mẹ đẻ cùng bản sinh sống từ đó cho đến nay.

Tòa án tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Ch theo quy định tại Bản ww, xã ee, thành phố qq, tỉnh Điện Biên do ông Chung hiện đang vắng mặt tại bản; ông Ch đi đâu, làm gì lãnh đạo bản không nắm được. Tuy nhiên cho đến nay, ông Ch không có ý kiến trả lời các văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Th và ông Ch không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông Ch theo quy định tại Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về quan hệ con chung: Bà Th và ông Ch có 03 người con chung là Lò Thị H, sinh ngày 25/02/2011, Lò Thị H1, sinh ngày 21/6/2013 và Lò Văn Ng, sinh ngày 15/9/2015. Hiện cả 03 cháu đều đang ở cùng với bà Th và các cháu đều phát triển bình thường, có nguyện vọng được ở với mẹ. Bà Th cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung. Nguyên vọng của bà Th là phù hợp với thực tế, không làm ảnh hưởng đến việc sinh sống, học tập ổn định của các cháu, không trái với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên HĐXX chấp nhận.

Bà Thương không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2.3. Quan hệ về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn của mình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 5, 8, 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" của bà Lò Thị Th đối với ông Lò Văn Ch, cụ thể:

1.1. Về hôn nhân: Bà Lò Thị Th được ly hôn ông Lò Văn Ch.

1.2. Về con chung: Bà Lò Thị Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba con chung là Lò Thị H, sinh ngày 25/02/2011; Lò Thị H1, sinh ngày 21/6/2013 và Lò Văn Ng, sinh ngày 15/9/2015. Không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lò Thị Th chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001646 ngày 27/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố qq.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPqq;
- Các đương sự;
- UBND xã ee, thành phố qq ;
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TPqq;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Định